

	QUI CHẾ TÀI CHÍNH	Ngày hiệu lực	23/09/2022
		Lần ban hành	01

QUI CHẾ TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 09 năm 2022)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09/2022

QUI CHẾ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH

Điều 1 . Điều khoản chung.

1. Công ty Cổ phần Thương mại Hóc môn (*sau đây gọi tắt là Công ty*) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức Công ty Cổ phần , có tư cách pháp nhân đầy đủ , hạch toán độc lập và có con dấu riêng; tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh trong phạm vi vốn chủ sở hữu của Công ty.
2. Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc (*sau đây gọi tắt là đơn vị trực thuộc*). Công ty giao vốn và các nguồn lực khác cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở vốn và các nguồn lực Công ty hiện có, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc. Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc Công ty về hiệu quả sử dụng vốn và bảo toàn các nguồn lực được giao.

Điều 2 . Mục đích hoạt động.

Tổ chức hoạt động kinh doanh về thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm nhằm tối đa hóa lợi nhuận, gia tăng lợi tức cổ phần, tích lũy để tái đầu tư phát triển, góp phần giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội và đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.

Điều 3. Kiểm tra giám sát .

1. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.
2. Công ty tổ chức hạch toán, kế toán và quyết toán tài chính theo chế độ kế toán tài chính hiện hành; đăng ký, kê khai, nộp các loại thuế, phí, thực hiện quyết toán thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chức năng đại diện cổ đông , có quyền quyết định , chịu trách nhiệm và thực hiện kiểmtra, giám sát về các vấn đề liên quan để hoạt động tài chính của Công ty được nêu tại Qui chế này.
4. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện chế độ tài chính tại Công ty trong phạm vi thẩm quyền.



CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 4. Vốn hoạt động của Công ty.

1. Vốn hoạt động của Công ty bao gồm:
 - a. Vốn điều lệ: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b. Vốn huy động.
 - c. Các quỹ dự trữ bắt buộc.
 - d. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chịu trách nhiệm quản lý vốn và tài sản theo đúng các quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn.

1. Công ty được quyền huy động vốn theo các hình thức: Phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu,...vay của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, cá nhân trong ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
2. Việc huy động vốn để hoạt động thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, đảm bảo hiệu quả sử dụng, đồng thời phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
3. Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nợ nước ngoài.
4. Thẩm quyền quyết định vay vốn và phân cấp:
 - a. Nguyên tắc chung: Thẩm quyền quyết định vay vốn theo phân cấp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định ký các hợp đồng vay vốn với các tổ chức tín dụng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh thường xuyên theo kế hoạch tài chính hằng năm đã trình.
 - c. Các khoản vay đầu tư dự án qui mô lớn, vay của các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Quyết định đầu tư và sử dụng vốn

1. Công ty được quyền tự chủ về tài chính, chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư và chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.
2. Đầu tư mua sắm, sửa chữa tài sản:

Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập và trình Hội đồng quản trị kế hoạch mua sắm, sửa chữa hình thành tài sản cố định trong tương lai. Việc lập và trình kế hoạch

này có thể thực hiện đột xuất khi có nhu cầu, hoặc được thực hiện khi xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm (được trình bày thành 01 hạng mục riêng).

3. Đầu tư thực hiện các dự án xây dựng phải tuân thủ các quy định pháp luật của nhà nước và phương án khả thi được Hội đồng quản trị thông qua.

4. Đầu tư ra ngoài:

4.1 Đầu tư ngắn hạn: Bao gồm mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu, tín phiếu để kinh doanh ngắn hạn và được phân cấp như sau:

- Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc quyết định đầu tư ngắn hạn đối với các cổ phiếu đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán với tổng giá trị danh mục đầu tư không vượt quá 10 (mười) tỷ đồng.
- Hội đồng quản trị quyết định việc đầu tư ngắn hạn vào các danh mục đầu tư còn lại.

4.2 Đầu tư dài hạn:

Công ty được quyền sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc hiệu quả. Việc đầu tư ra ngoài liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định về đất đai.

a. Các hình thức đầu tư dài hạn ra ngoài Công ty gồm:

- Góp vốn mua cổ phần để thành lập pháp nhân mới.
- Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới do đối tác làm chủ đầu tư.
- Mua cổ phần hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp khác đang hoạt động.
- Mua lại một Công ty khác.
- Mua công trái, trái phiếu của Nhà nước hoặc tổ chức kinh tế khác.
- Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

b. Các quy định đầu tư dài hạn ra ngoài Công ty:

- Tổng Giám đốc Công ty lập phương án, đánh giá hiệu quả đầu tư trình Hội đồng quản trị xem xét, ban hành Quyết định đầu tư.
- Trường hợp Công ty góp vốn thành lập liên doanh với nước ngoài thì phải tuân thủ theo các quy định hiện hành đối với các dự án liên doanh nước ngoài.
- Việc cử nhân sự tham gia quản lý vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty phải tuân thủ theo quy chế Quản lý phần vốn và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 7. Bảo toàn vốn

Nguyên tắc chung: Mọi rủi ro tiềm ẩn về tài sản do Hội đồng quản trị quyết định khi thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc. Trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp sau đây:

1. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản,.. theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Mua bảo hiểm tài sản đầy đủ, kịp thời, đúng qui định nhằm hạn chế tối đa tổn thất khi có rủi ro xảy ra.
3. Quyết định việc trích lập dự phòng cuối năm tài chính theo qui định hiện hành và theo Điều lệ Công ty. Các khoản dự phòng rủi ro bao gồm: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản dự phòng khác theo qui định.

Điều 8. Quản lý các khoản nợ phải trả

1. Công ty có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng hạn cam kết.
2. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, bao gồm cả các khoản lãi phát sinh (nếu có). Trước khi khóa sổ để lập báo cáo tài chính năm, Công ty phải tiến hành đối chiếu với chủ nợ, đồng thời tiến hành đánh giá, phân loại để kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn để có biện pháp xử lý kịp thời.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 9. Tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Công ty bao gồm: tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, bất động sản đầu tư và tài sản cố định khác được quản lý và sử dụng theo qui định của pháp luật.
2. Công ty được chủ động lựa chọn các phương án đầu tư, mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản cố định phù hợp với mục tiêu kinh doanh, đầu tư nhằm tạo hiệu suất sử dụng tài sản và hiệu quả sử dụng vốn. Phân cấp giá trị đầu tư theo Điều lệ Công ty.
3. Trích khấu hao tài sản cố định: Hằng năm, Tổng Giám đốc căn cứ các qui định hiện hành để trình Hội đồng quản trị thông qua mức trích khấu hao tài sản cố định đồng thời với việc trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đó. Mức trích khấu hao không được thấp hơn mức tối thiểu do Bộ Tài chính qui định.

Việc trích khấu hao nhanh để hoàn vốn đầu tư theo lộ trình phải được trình Hội đồng quản trị khi xây dựng phương án đầu tư.

Điều 10. Tài sản lưu động.

1. Tài sản lưu động của Công ty bao gồm vốn bằng tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho,.. và tài sản lưu động khác theo qui định pháp luật.

2. Công ty phải tổ chức việc quản lý, vận hành tài sản lưu động trong kinh doanh hợp lý, khoa học nhằm đảm bảo vòng quay và hiệu quả sử dụng. Trường hợp tài sản có giá trị bị giảm giá (trừ trường hợp giảm giá tạm thời theo điều hành, kế hoạch chung), tổn thất Công ty thì Công ty phải trích lập dự phòng theo qui định hiện hành.

Điều 11 Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản.

1. Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để phục vụ mục tiêu kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân thủ theo qui định của Bộ Luật Dân sự, các qui định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Việc cho thuê, thế chấp tài sản có giá trị lớn, thời gian dài hạn và liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty phải do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 12. Nhượng bán, thanh lý công cụ lưu động, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

1. Công ty được thực hiện quyền:
 - a. Nhượng bán tài sản để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích khác có hiệu quả hơn.
 - b. Thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, không còn nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được.
 - c. Nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn khi xét thấy có hiệu quả hơn.
2. Tổng Giám đốc quyết định nhượng bán, thanh lý công cụ lưu động, tài sản cố định là máy móc thiết bị và động sản, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị còn lại không quá 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) đối với một đơn vị tài sản.
3. Hội đồng quản trị quyết định việc nhượng bán, thanh lý tài sản là máy móc thiết bị và động sản, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị còn lại nhỏ hơn 35 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.
Các trường hợp nhượng bán, thanh lý còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Việc nhượng bán, thanh lý tài sản phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục qui định của pháp luật có liên quan.
5. Khoản chênh lệch, nếu có, giữa giá trị thu hồi khi nhượng bán, thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và chi phí nhượng bán, thanh lý được hạch toán theo qui định hiện hành.

Điều 13. Quản lý nợ phải thu

1. Công ty được quyền cho tổ chức cá nhân nợ theo qui định của pháp luật để phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh; và có trách nhiệm thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng thời hạn và nội dung cam kết.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi các khoản nợ phải thu, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong trường hợp xảy ra công nợ quá hạn, không đòi được.
3. Tổng Giám đốc có quyền phân cấp cho Trưởng các đơn vị trực thuộc duyệt cho khách nợ, nhưng tổng mức nợ không quá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trên mỗi khách hàng. Đối với khách hàng truyền thống, Trưởng các Đơn vị có thể xây dựng Bảng định mức về số dư nợ và thời hạn nợ đối với từng khách hàng trình cho Tổng Giám đốc phê duyệt trước khi áp dụng. Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc trong việc quản lý, thu hồi công nợ; nếu xảy ra thất thoát phải chịu trách nhiệm bồi thường.
4. Trước khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm, Công ty phải kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với khách hàng. trường hợp phát sinh nợ khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng theo qui định.
5. Nợ quá hạn phải thu và được xác nhận không đòi được, Công ty có trách nhiệm xử lý xóa sổ theo qui định của pháp luật.

Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định xử lý đối với các khoản công nợ khó đòi gây thiệt hại cho Công ty dưới 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) Cho mỗi món nợ. Mức thiệt hại được xác định bằng tổng số nợ không đòi được trừ cho các khoản bù đắp bằng dự phòng công nợ khó đòi đã trích và tiền bồi thường của tập thể, cá nhân liên quan.

Trên mức phân cấp xử lý nêu trên, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 14. Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê tài sản các loại theo qui định. Việc kiểm kê tài sản phải được thực hiện định kỳ ít nhất mỗi quý /lần. Ngoài ra, khi có yêu cầu đột xuất, phục vụ công tác quản lý, kinh doanh thì việc kiểm kê sẽ được thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

Qua kiểm kê, nếu có phát sinh chênh lệch thừa thiếu so với sổ sách thì Công ty phải tiến hành xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của tập thể cá nhân có liên quan làm cơ sở cho việc xử lý.

Điều 15. Xử lý tài sản tổn thất.

Tài sản hao hụt theo Định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt (phù hợp qui định hiện hành) được xem là chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, được loại trừ khỏi nội dung tổn thất tài sản.

Khi xảy ra tổn thất tài sản (mất mát , thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, làm giảm giá trị tài sản), Công ty phải tiến hành xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, quy trách nhiệm và lập phương án xử lý theo phương án sau:

- Đối với những tổn thất do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể có liên quan phải có trách nhiệm bồi thường:

+ Mức thiệt hại dưới 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) do Tổng Giám đốc quyết định.

+ Mức thiệt hại từ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

- Đối với những tổn thất tài sản đã mua bảo hiểm do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì Công ty phải thông báo cho Công ty bảo hiểm xử lý bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm. Trưởng các bộ phận, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Đơn vị bảo hiểm để bảo vệ quyền lợi Công ty.
- Giá trị tổn thất (nếu có), sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ hoặc phân bổ vào chi phí kinh doanh theo tiêu chí phù hợp.

Điều 16. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Dùng tài sản để liên doanh, góp cổ phần.
 - c. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.
2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các qui định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản được hạch toán theo đúng qui định hiện hành.

Điều 17. Quản lý hàng tồn kho

- Hàng hóa tồn kho là hàng hóa thuộc danh mục hoặc mục tiêu kinh doanh của Công ty và Công ty đã có quyền sở hữu; không phân biệt hàng hóa đang nằm trong kho, đang đi tên đường, đang sản xuất hay đang nằm trong kho người bán.
- Công ty có trách nhiệm phải kịp thời đưa hàng tồn kho vào kinh doanh, tăng hiệu quả sử dụng vốn và kịp thời xử lý hàng kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.
- Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng theo qui định.

Điều 18. Công nợ tạm ứng

- Tạm ứng là việc ứng trước một khoản tiền cho nhân viên nhằm giải quyết các việc phát sinh thường xuyên, hoặc giải quyết một vụ việc cụ thể đã được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt.
- Việc quản lý, theo dõi các khoản công nợ tạm ứng được thực hiện theo qui định hiện hành.

Điều 19. Quản lý quỹ tiền mặt

- Các Đơn vị trực thuộc, bộ phận kinh doanh công ty phải tổ chức tốt việc luân chuyển tiền mặt trong kinh doanh, tiền mặt thu được trong kinh doanh phải nộp về Công ty theo qui định. Mức tồn quỹ tiền mặt cuối ngày chỉ duy trì ở mức hợp

lý. Việc quản lý tiền mặt tồn quỹ tại đơn vị do Trưởng đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm.

- Mọi khoản thu, chi tiền mặt phải đúng đối tượng, đúng chế độ, phải có chứng từ thu chi được lập kèm theo và phải có phê duyệt của Tổng Giám đốc hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp, ủy quyền của Tổng Giám đốc.
- Định kỳ tháng, quý, năm hoặc khi có nhu cầu đột xuất; các Đơn vị phải tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt theo qui định. Riêng tại văn phòng Công ty, việc kiểm quỹ được tiến hành thường xuyên vào cuối ngày làm việc.

CHƯƠNG IV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 20. Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận hằng năm của Công ty sau khi bù lỗ năm trước và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định, được phân phối như sau:
- Trả các khoản tiền phạt: Phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt vi phạm về luật môi trường, phạt nợ quá hạn, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, chế độ kế toán, chế độ Công ty niêm yết,.. không được hạch toán vào kết quả kinh doanh.
- Trừ các khoản chi phí đã chi được duyệt nhưng không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế.
- Phần lợi nhuận còn lại được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo phương án phân phối lợi nhuận do Tổng Giám đốc trình và được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 21 . Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển: Chỉ để phục vụ đầu tư dự án hoặc tăng vốn Điều lệ; không sử dụng cho mục đích khác.
2. Quỹ khen thưởng: được dùng để:
 - Khen thưởng cuối năm cho cá nhân, tập thể CBCNV Công ty có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Khen thưởng đột xuất cho cá nhân trong hoặc ngoài Công ty có đóng góp, mang lại lợi ích cho Công ty.
 - Người quản lý, điều hành Công ty (Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, ...)
3. Quỹ phúc lợi: được dùng để:
 - Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi chung của Công ty.
 - Chi cho các hoạt động phúc lợi cho người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.
 - Chi cho các trường hợp trợ cấp đột xuất, từ thiện xã hội chưa có qui định nhưng vì mục tiêu hỗ trợ người lao động đã và đang làm việc cho công ty.



Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo chế độ công khai tài chính, qui chế dân chủ theo qui định.

Ngoài các quỹ trên, Công ty được trích lập các quỹ khác (nếu có) theo qui định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 22. Kế hoạch tài chính

1. Công ty xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm và dài hạn phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty.
2. Hội đồng quản trị (thông qua Đại hội đồng cổ đông) giao kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính cho Tổng Giám đốc và giám sát, đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hằng năm.

Điều 23. Công tác kế toán, thống kê và công bố thông tin.

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo qui định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán; chế độ kiểm toán được thực hiện theo qui định của pháp luật về kiểm toán. Danh sách tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty do Ban kiểm soát giới thiệu, đề xuất để Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt.
3. Công bố thông tin: Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và quản trị Công ty theo đúng qui định hiện hành.

Điều 24. Chế độ lưu giữ tài liệu liên quan đến công tác tài chính kế toán.

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

- Sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo kiểm toán (kể cả các báo cáo của các đơn vị trực thuộc nộp lên Công ty).
- Các Biên bản, báo cáo kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, báo cáo quyết toán thuế, thanh tra thuế.
- Các tài liệu khác có liên quan đến công tác tài chính, kế toán.

Việc lưu giữ các tài liệu nêu trên được thực hiện tại trụ sở và tại đơn vị trực thuộc. Thời gian lưu trữ, phương thức lưu trữ, bảo quản thực hiện theo qui định hiện hành.

Điều 25. Kiểm toán nội bộ

Công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty được tổ chức và thực hiện theo qui định hiện hành nhằm giúp công tác quản trị, điều hành Công ty mang lại hiệu quả tốt hơn.

Công ty có thể tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ làm việc thường xuyên tại Công ty hoặc thuê một tổ chức kiểm toán hoặc đơn vị có chức năng để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo qui định.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Qui chế kiểm toán nội bộ và thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm theo kế hoạch phải được gửi cho Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 26. Giao vốn cho các đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị trực thuộc được Công ty giao vốn và các nguồn lực khác để quản lý sử dụng phù hợp với qui mô và nhiệm vụ kinh doanh của đơn vị. Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc về hiệu quả sử dụng, bảo quản tài sản và phát triển số vốn cũng như các nguồn lực được giao.
2. Công ty thống nhất đầu mối về quản lý tài chính; các đơn vị trực thuộc thực hiện quyền và các nghĩa vụ theo sự phân cấp của Công ty.

Điều 27. Trách nhiệm sử dụng vốn.

Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích. Tuyệt đối không được sử dụng vốn Công ty đem cho vay và cũng không được vay vốn, huy động vốn vay dưới mọi hình thức.

Điều 28. Điều hòa vốn.

Công ty và các Đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân độc lập có thể thực hiện các nghiệp vụ điều hòa vốn ngắn hạn, trung hạn nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn vốn. Việc điều hòa vốn được thực hiện thông qua các Hợp đồng huy động vốn ngắn hạn, trung hạn phù hợp qui định hiện hành.

Điều 29. Thực hiện công tác kế toán tài chính.

1. Đơn vị trực thuộc có bộ máy kế toán, thực hiện chế độ kế toán theo đúng qui định nhà nước và sự phân cấp của Công ty. Báo cáo tài chính, kế toán phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, lập và gửi đúng hạn qui định.
2. Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện đúng qui định và chịu sự giám sát của nhà nước, của Công ty về quản lý tài sản, quản lý vốn được giao.

030
CỘ
CỘ
TƯ
HỘ
ON

CHƯƠNG VII
QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA CÔNG TY
VÀ CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY.

Điều 30. Quản lý phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty (gọi tắt là doanh nghiệp khác)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền cử người đại diện theo ủy quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.
2. Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác được tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp đó và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều lệ Công ty tại doanh nghiệp khác và Qui chế đại diện vốn.

Điều 31. Quan hệ tài chính giữa Công ty và các doanh nghiệp khác

Công ty có các quyền về tài chính sau:

1. Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác cho cá nhân hay tổ chức theo đúng qui định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo Điều lệ của doanh nghiệp khác và theo qui định của pháp luật.
3. Thu lợi tức từ phần vốn góp của Công ty từ doanh nghiệp khác.
4. Các quyền và quan hệ khác về tài chính theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII
TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 32. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý Công ty, trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty ; giám sát Tổng Giám đốc trong việc sử dụng vốn và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về vốn góp cổ phần của Công ty; trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền các dự án đầu tư, đầu tư ra ngoài Công ty, hợp đồng vay, hợp đồng nhượng bán tài sản .
4. Quyết định các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm của Công ty.
5. Quyết định mua lại không quá 10 % số cổ phần phổ thông đã bán.
6. Quyết định cử người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.
7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính được công bố công khai hằng năm theo qui định.
8. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác về tài chính theo qui định của pháp luật, điều lệ Công ty.

Điều 33. Ủy quyền, phân cấp quản lý tài chính.

1. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định một số nhiệm vụ về các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty tại qui chế này ; nội dung phân cấp , ủy quyền được qui định tại các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể sửa đổi, bổ sung những nội dung phân cấp , ủy quyền cho Tổng Giám đốc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về quản lý, điều hành công tác tài chính Công ty.
2. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty. Xây dựng, ban hành hoặc trình Hội đồng quản trị ban hành các định mức chi phí phù hợp điều kiện kinh doanh làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
3. Điều hành hoạt động kinh doanh thường xuyên; quyết định các dự án đầu tư; đầu tư ra ngoài Công ty; phương án vay vốn; phương án thanh lý , nhượng bán tài sản theo sự phân cấp của hội đồng quản trị, theo qui định tại Điều lệ Công ty.
4. Quyết định việc sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty theo qui định hiện hành.
5. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty.
6. Lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.
7. Thực hiện các quyền và chịu trách nhiệm về tài chính khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



183-C
TY
AN
MAI
ON
U CHI N

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành, sửa đổi, bổ sung.

1. Quy chế này gồm 9 chương , 35 điều. Trong quá trình thực hiện, các điều khoản trong quy chế này có thể được sửa đổi bổ sung khi có quyết định của Hội đồng quản trị cho phù hợp với thực tiễn kinh doanh phù hợp với nhu cầu phát triển của công ty và phù hợp với qui định của pháp luật.
2. Trường hợp Quy chế này có những nội dung không phù hợp do thay đổi qui định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty mà Hội đồng quản trị chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế thì áp dụng theo qui định pháp luật hoặc Điều lệ đã có hiệu lực đó.
3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng quản trị có quyết định ban hành./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng, ban Công ty;
- Công ty con và đơn vị trực thuộc;
- Thư ký, VT Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trần Trọng Nghĩa

